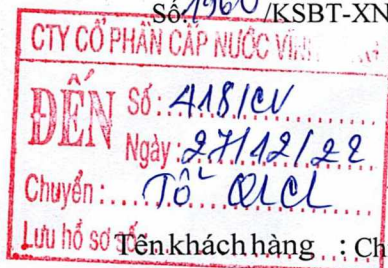


Số 1960/KSBT-XN-CDHA-TDCN



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 1222.22



Tên khách hàng: Chi nhánh cấp nước Trà Ôn  
Địa chỉ: ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long  
Người lấy mẫu: Vương Ngọc Hải  
Địa điểm lấy mẫu: tại chi nhánh cấp nước  
Ngày lấy mẫu: 16/12/2022  
Tên mẫu: Nước sạch S479  
Lượng mẫu: 1 đv x 2lit, 1 đv x 500ml  
Ngày nhận mẫu: 16/12/2022  
Tình trạng mẫu: Đựng trong bình nhựa và chai thủy tinh.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

| Stt | Chỉ tiêu                    | Phương pháp              | Kết quả                           | Tiêu chuẩn         | Ngày kiểm nghiệm |
|-----|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|--------------------|------------------|
| 1   | Clo dư (đo tại hiện trường) | HACH (DPD Free Chlorine) | 0,8 mg/L                          | 0,2 - 1,0 mg/L     | 16/12/2022       |
| 2   | Màu sắc                     | SMEWW 2017-2120 C        | < 5 TCU                           | ≤ 15 TCU           | 16/12/2022       |
| 3   | Mùi vị                      | Cảm quan                 | Không có mùi vị lạ                | Không có mùi vị lạ | 16/12/2022       |
| 4   | pH                          | TCVN 6492-2011           | 7,20                              | 6,0 - 8,5          | 16/12/2022       |
| 5   | Độ đục                      | SMEWW 2130 B:2017(*)     | Không phát hiện<br>LOQ = 0,84 NTU | ≤ 2 NTU            | 16/12/2022       |
| 6   | Coliform tổng cộng          | TCVN 6187-1:2019(*)      | < 1 CFU/100mL                     | < 3 CFU/100 mL     | 16/12/2022       |
| 7   | E.coli                      | TCVN 6187-1:2019(*)      | < 1 CFU/100mL                     | < 1 CFU/100 mL     | 16/12/2022       |

Chú thích:

- (\*): Phép thử đã được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
- <1 CFU/100 mL: Được xem như là không phát hiện.
- Tham chiếu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2018/BYT do Bộ Y tế ban hành.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

TRƯỞNG KHOA XN-CDHA-TDCN

KS. Võ Thanh Phương

Vĩnh Long, ngày 22 tháng 12 năm 2022



ThS.BS. Huỳnh Thanh Tân





CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN  
VIET TIN TESTING CO., LTD

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM city  
Tel: (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktclviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12494 2212A/KQ

Mã số/ Code: 6140 2212

Mã số mẫu/ Sample code: 21725 2212

Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TRÀ ÔN  
Địa chỉ/ Address : Ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 16/12/2022 Ngày phân tích/ Date of analysis : 16/12/2022  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 21/12/2022  
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước đã xử lý Số lượng mẫu/ Quantity of sample : 1 đ/v 1 lít +  
1 đ/v 500 ml  
Tên mẫu/ Name of sample : Nước sạch tại mạng phân phối  
Địa điểm lấy mẫu: Hộ Ngô Trung Hiếu, ấp Giồng Thanh Bạch, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long  
Tình trạng mẫu/ State of sample : Đựng trong chai nhựa

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU<br>THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP<br>PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD | KẾT QUẢ/<br>RESULT           | ĐƠN VỊ<br>TÍNH/<br>UNIT | QCVN 01-1:<br>2018/BYT  |
|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| 1           | Màu sắc (*)                           | SMEWW 2120C : 2017                          | Không phát hiện<br>(LOD=3,0) | TCU                     | 15                      |
| 2           | Mùi, vị                               | Cảm quan                                    | Không có<br>mùi vị lạ        | -                       | Không có mùi,<br>vị lạ  |
| 3           | Độ đục (*)                            | SMEWW 2130.B : 2017                         | 0,31                         | NTU                     | 2                       |
| 4           | pH (*)                                | TCVN 6492 : 2011                            | 7,01                         | -                       | Trong khoảng<br>6,0-8,5 |
| 5           | Clo dư tự do (*)                      | SMEWW 4500 Cl <sub>2</sub> B :<br>2017      | 0,50                         | mg/L                    | Trong khoảng<br>0,2-1,0 |
| 6           | Coliforms (*)                         | ISO 9308-1:2014/<br>Adm 1 : 2016            | Không phát hiện<br>(LOD=1)   | CFU/100mL               | < 3                     |
| 7           | Escherichia coli (*)                  | ISO 9308-1:2014/<br>Adm 1 : 2016            | Không phát hiện<br>(LOD=1)   | CFU/100mL               | < 1                     |

Ghi chú/ Notes: Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(\*): Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



ThS. Nguyễn Văn Tâm

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 08

Date of issue: 18/10/2022

SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN  
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE



**CÔNG TY TNHH PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM VIỆT TÍN****VIET TIN TESTING CO., LTD**

PTN & VP Nhận mẫu: Số 39A, Đường số 4, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân, TP. HCM  
Laboratory & Office: No.39A, 4<sup>th</sup> street, Binh Tri Dong B ward, Binh Tan district, HCM city  
Tel: (028) 39158936, (028) 3827 7986 Fax: (028) 3824 7013  
Email: ktcviettin@gmail.com Web: kiemnghiemviettin.com



Số/ No: 12495 2212A/KQ

Mã số/ Code: 6140 2212

Mã số mẫu/ Sample code: 21726 2212

Trang/ Page: 1/1

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TESTING REPORT**

Tên khách hàng/ Client : **CHI NHÁNH CẤP NƯỚC TRÀ ÔN**  
Địa chỉ/ Address : **Ấp Mỹ Lợi, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **16/12/2022** Ngày phân tích/ Date of analysis : **16/12/2022**  
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **21/12/2022**  
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước đã xử lý** Số lượng mẫu/ Quantity of sample : **1 đ/v 1 lít +  
1 đ/v 500 ml**  
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước sạch tại mạng phân phối**  
**Địa điểm lấy mẫu: Số nhà 78, ấp Mỹ Hòa, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long**  
Tình trạng mẫu/ State of sample : **Đựng trong chai nhựa**

| STT/<br>No. | CHỈ TIÊU<br>THỬ NGHIỆM/<br>PARAMETERS | PHƯƠNG PHÁP<br>PHÂN TÍCH/<br>TESTING METHOD | KẾT QUẢ/<br>RESULT           | ĐƠN VỊ<br>TÍNH/<br>UNIT | QCVN 01-1:<br>2018/BYT          |
|-------------|---------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------|-------------------------|---------------------------------|
| 1           | Màu sắc (*)                           | SMEWW 2120C : 2017                          | Không phát hiện<br>(LOD=3,0) | TCU                     | <b>15</b>                       |
| 2           | Mùi, vị                               | Cảm quan                                    | Không có<br>mùi vị lạ        | -                       | <b>Không có mùi,<br/>vị lạ</b>  |
| 3           | Độ đục (*)                            | SMEWW 2130.B : 2017                         | 0,34                         | NTU                     | <b>2</b>                        |
| 4           | pH (*)                                | TCVN 6492 : 2011                            | 7,07                         | -                       | <b>Trong khoảng<br/>6,0-8,5</b> |
| 5           | Clo dư tự do (*)                      | SMEWW 4500 Cl <sub>2</sub> B :<br>2017      | 0,30                         | mg/L                    | <b>Trong khoảng<br/>0,2-1,0</b> |
| 6           | Coliforms (*)                         | ISO 9308-1:2014/<br>Adm 1 : 2016            | Không phát hiện<br>(LOD=1)   | CFU/100mL               | <b>&lt; 3</b>                   |
| 7           | <i>Escherichia coli</i> (*)           | ISO 9308-1:2014/<br>Adm 1 : 2016            | Không phát hiện<br>(LOD=1)   | CFU/100mL               | <b>&lt; 1</b>                   |

Ghi chú/ Notes: Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(\*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER****ThS. Huỳnh Ngọc Trường****GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR****ThS. Nguyễn Văn Tâm**

PTN được chỉ định bởi/ Lab. designated by: **Bộ Y Tế - Cục An toàn Thực phẩm/ Ministry of Health - Agency of Food Safety; Bộ NN&PTNT - Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản/ Ministry of Agriculture - National Agro - Forestry - Fisheries Quality Assurance Department.**

No. Document: QTCL-13/BM02

Version: 08

Date of issue: 18/10/2022

**SỰ KHÁC BIỆT TỪ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VÀ CHUYÊN MÔN  
MAKING DIFFERENCES FROM QUALITY OF SERVICES AND KNOWLEDGE**